

Khánh Hoà, ngày 04 tháng 07 năm 2024

**GIẤY ĐĂNG KÝ NỘP BẢN
TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**



Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Khánh Hoà

Thực hiện theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành 1 số điều của Luật An Toàn Thực phẩm trong đó có hướng dẫn về thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm và Nghị định 115/2018/ND-CP ngày 04/09/2018 về quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP.

Nay CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THIÊN PHÚC kính đề nghị được nộp về Sở Công Thương bản tự công bố đối với các sản phẩm như sau:

STT	TÊN SẢN PHẨM	SỐ TỰ CÔNG BỐ
1	TỔ YẾN ĂN LIỀN NHÂN SÂM SẮY THĂNG HOA	01/TRUONGTHIENPHUC/2024
2	TỔ YẾN ĂN LIỀN BÁT TRÂN SẮY THĂNG HOA	02/TRUONGTHIENPHUC/2024

Hồ sơ bao gồm có:

- Bản tự công bố sản phẩm
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm
- Nội dung ghi nhãn dự thảo sản phẩm
- Giấy đăng ký kinh doanh công ty (bản sao công chứng)
- Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 (bản sao công chứng)
- Hợp đồng gia công

Công ty chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với pháp lý, an toàn chất lượng đối với sản phẩm công bố.

Rất mong nhận được sự hỗ trợ!

Xin chân thành cảm ơn.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Ngọc Thiên



ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ ԱՊՐԱՆՈՒԹՅԱՆ ԿԵՆՏՐԱԼ ԲԱՆԿ



ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ ԱՊՐԱՆՈՒԹՅԱՆ ԿԵՆՏՐԱԼ ԲԱՆԿ

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 4201658999

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 09 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 08 tháng 11 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THIÊN PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THIEN PHUC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

06A Ngô Đức Kế, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0977393789

Fax: 0583.516171

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 200.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ NGỌC THIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 18/02/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 225024909

Ngày cấp: 05/07/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 6A Ngô Đức Kế, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

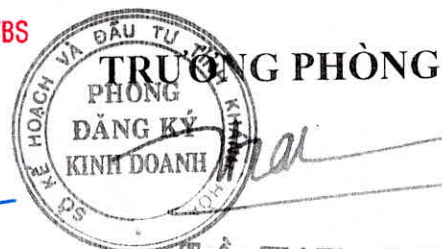
Chỗ ở hiện tại: 6A Ngô Đức Kế, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....- 898 -.....Quyển số..... 501/BS

Ngày 26 -06- 2024



Trương Nguyên Thạch



Trần Thị Thanh Hải

1911

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

1911

CHICAGO, ILL.

Robert Wright Thayer



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/TRUONGTHIENPHUC/2024

I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THIÊN PHÚC**

Địa chỉ: 06A Ngô Đức Kế, Phước Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0977393789

Mã số doanh nghiệp: 4201658999

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12, nghị định 15/2018/NĐ-CP.

II. Thông tin sản phẩm:

Tên sản phẩm: TỔ YẾN ĂN LIỀN NHÂN SÂM SẮC THĂNG HOA

2. Thành phần: Sợi yến tổ nguyên chất (70%), đường phèn (10%), nhân sâm (3%), chiết xuất táo biển, chất ổn định (INS 418), hương liệu tự nhiên (yến).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

- NSX và HSD: xem trên bao bì sản phẩm.

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đựng trực tiếp trong chén nhôm kín, bên ngoài là hộp giấy. Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- **Quy cách đóng gói:** Đóng gói kín. Khối lượng tịnh: 20 g hoặc khối lượng tịnh khác có thể thay đổi theo nhu cầu thị trường.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

CÔNG TY TNHH MTV YẾN SÀO BÌNH MINH

- Địa chỉ trụ sở: 54A/9 đường Vĩnh Phú 40, khu phố Hoà Long, phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

- Địa chỉ xưởng sản xuất: Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

- Xuất xứ: Việt Nam

NỘI DUNG GHI NHÃN DỰ THẢO

Tên sản phẩm: TỖ YẾN AN LIÊN NHÂN SÂM SẮC THĂNG HOA

Thành phần: Sợi yến tổ nguyên chất (70%), đường phèn (10%), nhân sâm (3%), chiết xuất táo biển, chất ổn định (INS 418), hương liệu tự nhiên (yến).

Hướng dẫn sử dụng:

- Bước 1: Gỡ lớp màng nhôm của chén
- Bước 2: Châm nước tinh khiết ngang miệng chén, giặt dây nóng và đậy nắp chén trong 3 phút
- Bước 3: Mở nắp, trộn đều và thưởng thức.

Thông tin cảnh báo an toàn: Không sử dụng sản phẩm hết hạn.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

NSX và HSD: xem trên bao bì sản phẩm.

Khối lượng tịnh: 20 g

Số tự công bố: 01/TRUONGTHIENPHUC/2024

Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm:

Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THIÊN PHÚC

Địa chỉ: 06A Ngô Đức Kế, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH MTV YẾN SÀO BÌNH MINH

- Địa chỉ trụ sở: 54A/9 đường Vĩnh Phú 40, khu phố Hoà Long, phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

- Địa chỉ xưởng sản xuất: Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng Nutritional ingredients	Trên 100 g In 100 g		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu % Nutrient reference values
Năng lượng (Energy)	391	kcal	20%
Chất đạm (Protein)	10.9	g	22%
Carbohydrate	80.9	g	25%
Đường tổng số (Total Sugars)	80.1	g	-
Chất béo (Fat)	2.60	g	5%
Natri (Sodium)	88.9	mg	4%

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).

Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị; Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg

% Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet).

Nutrient reference values: Energy: 2000 Kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Fat: 56 g including saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ SẢN PHẨM

CÔNG TY TNHH MTV YẾN SÀO BÌNH MINH	TỔ YẾN ĂN LIỀN NHÂN SÂM SẮY THĂNG HOA	Số TCCS: TCCS 03:2024/BINHMINH
------------------------------------	---------------------------------------	-----------------------------------

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1 Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^6
2	Coliforms	CFU/g	10^3
3	E.coli	CFU/g	10^2
4	Bacillus cereus	CFU/g	10^2
5	Staphylococcus aureus	CFU/g	10^2
6	Clostridium perfringens	CFU/g	10^2
7	Tổng số bào tử nấm men - mốc	CFU/g	10^3
8	Salmonella	/25g	Không có

1.2 Các chỉ tiêu kim loại nặng:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,2
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1
3	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	1,0

1.3 Các chỉ tiêu độc tố vi nấm:

ST	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	5
2	Aflatoxin tổng số	$\mu\text{g/kg}$	10

Ngày 20 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Nguyễn Văn Bình



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: MQD7240600274-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THIÊN PHÚC
Địa chỉ/ Client's Address : 06A Ngô Đức Kế, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 08/06/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 08/06/2024 - 13/06/2024
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 13/06/2024
Thông tin mẫu/ Name of Sample : TỔ YẾN ĂN LIỀN NHÂN SÂM SÁY THĂNG HOA
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
4	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 980.31
5	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 975.55
6	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
7	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
8	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
9	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
10	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
11	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
12	Aflatoxin tổng số (B1. B2. G1. G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1. B2. G1. G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
13	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**)(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**)(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (^{CN}): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (^{CN}): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (^{TS}): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (^{TS}): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: MQD7240600274-3

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THIÊN PHÚC
Địa chỉ/ Client's Address : 06A Ngô Đức Kế, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 08/06/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 08/06/2024 - 13/06/2024
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 13/06/2024
Thông tin mẫu/ Name of Sample : TỔ YẾN ĂN LIỀN NHÂN SÂM SÁY THĂNG HOA
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Đạm (*) / Protein (*)	10.9	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
2	Béo tổng (*) / Total fat (*)	2.60	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
3	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) (*) / Carbohydrate (Not included fiber) (*)	80.9	g/100g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
4	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	88.9	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/014 (Ref. AOAC 985.35)
5	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber) (*)	391	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
6	Xơ tổng số (*) / Total dietary fiber (*)	2.08	g/100g	TCVN 9050:2012
7	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	80.1	g/100g	AVA-KN-PP.HL/03

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**)(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**)(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (^{CN}): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (^{CN}): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (^{TS}): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (^{TS}): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng Nutritional ingredients	Trên 100 g In 100 g		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu % Nutrient reference values
Năng lượng (Energy)	391	kcal	20%
Chất đạm (Protein)	10.9	g	22%
Carbohydrate	80.9	g	25%
Đường tổng số (Total Sugars)	80.1	g	-
Chất béo (Fat)	2.60	g	5%
Natri (Sodium)	88.9	mg	4%

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).
Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị;
Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg
% Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet).
Nutrient reference values: Energy: 2000 kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Fat:
56 g including saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/TRUONGTHIENPHUC/2024

I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THIÊN PHÚC**

Địa chỉ: 06A Ngô Đức Kế, Phước Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam

Điện thoại: 0977393789

Mã số doanh nghiệp: 4201658999

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12, nghị định 15/2018/NĐ-CP.

II. Thông tin sản phẩm:

Tên sản phẩm: TỔ YẾN ĂN LIỀN BÁT TRÂN SẮC THĂNG HOA

2. Thành phần: Sợi yến tổ nguyên chất (70%), bào ngư (7%), sò điệp (7%), hải sâm (7%), chiết xuất nấm men, muối tinh, hương liệu tự nhiên (yến), chiết xuất tảo biển, chất ổn định (INS 418).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

- NSX và HSD: xem trên bao bì sản phẩm.

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đựng trực tiếp trong chén nhôm kín, bên ngoài là hộp giấy. Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- **Quy cách đóng gói:** Đóng gói kín. Khối lượng tịnh: 20 g hoặc khối lượng tịnh khác có thể thay đổi theo nhu cầu thị trường.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

CÔNG TY TNHH MTV YẾN SÀO BÌNH MINH

- Địa chỉ trụ sở: 54A/9 đường Vĩnh Phú 40, khu phố Hoà Long, phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

- Địa chỉ xưởng sản xuất: Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam

- Xuất xứ: Việt Nam



- Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm tiêu chuẩn ISO 22000:2018 - **CÔNG TY TNHH MTV YẾN SÀO BÌNH MINH**: Số chứng nhận: HA 531-23, ngày cấp: 03/04/2023, nơi cấp: VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Mẫu nhãn dự thảo đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

+ Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất số **TCCS 04:2024/BINHMINH**, ngày 20/04/2024.

+ Thông tư số 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

+ Thông tư số 17/2023/TT-BYT, Thông tư sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

+ Thông tư số 29/2023/TT-BYT, Thông tư hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 07 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Ngọc Thiện

00000000000000000000



00000000000000000000

NỘI DUNG GHI NHẬN DỰ THẢO

Tên sản phẩm: TỖ YẾN ĂN LIỀN BÁT TRÂN SẮT THĂNG HOA

Thành phần: Sợi yến tổ nguyên chất (70%), bào ngư (7%), sò điệp (7%), hải sâm (7%), chiết xuất nấm men, muối tinh, hương liệu tự nhiên (yến), chiết xuất tảo biển, chất ổn định (INS 418).

Hướng dẫn sử dụng:

- Bước 1: Gỡ lớp màng nhôm của chén
- Bước 2: Châm nước tinh khiết ngang miệng chén, giặt dây nóng và đậy nắp chén trong 3 phút
- Bước 3: Mở nắp, trộn đều và thưởng thức.

Thông tin cảnh báo an toàn: Không sử dụng sản phẩm hết hạn.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

NSX và HSD: xem trên bao bì sản phẩm.

Khối lượng tịnh: 20 g

Số tự công bố: 02/TRUONGTHIENPHUC/2024

Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm:

Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THIÊN PHÚC

Địa chỉ: 06A Ngô Đức Kế, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH MTV YẾN SÀO BÌNH MINH

Địa chỉ trụ sở: 54A/9 đường Vĩnh Phú 40, khu phố Hoà Long, phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ xưởng sản xuất: Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng Nutritional ingredients	Trên 100 g In 100 g		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu % Nutrient reference values
Năng lượng (Energy)	380	kcal	19%
Chất đạm (Protein)	31.0	g	62%
Carbohydrate	6.50	g	2%
Chất béo (Fat)	25.6	g	46%
Natri (Sodium)	3282	mg	164%

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).

Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị; Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg

% Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet).

Nutrient reference values: Energy: 2000 Kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Fat: 56 g including saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ SẢN PHẨM

CÔNG TY TNHH MTV YẾN SÀO BÌNH MINH	TỔ YẾN ĂN LIỀN BÁT TRẦN SẮT THĂNG HOA	Số TCCS: TCCS 04:2024/BINHMINH
------------------------------------	---------------------------------------	-----------------------------------

1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^6
2	Coliforms	CFU/g	10^3
3	E.coli	CFU/g	10^2
4	Bacillus cereus	CFU/g	10^2
5	Staphylococcus aureus	CFU/g	10^2
6	Clostridium perfringens	CFU/g	10^2
7	Tổng số bào tử nấm men - mốc	CFU/g	10^3
8	V.parahaemolyticus	CFU/g	10^2
9	Salmonella	/25g	Không có

2. Các chỉ tiêu kim loại nặng:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,2
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0,05
3	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,5

3. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	5
2	Aflatoxin tổng số	$\mu\text{g/kg}$	10

Ngày 20 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

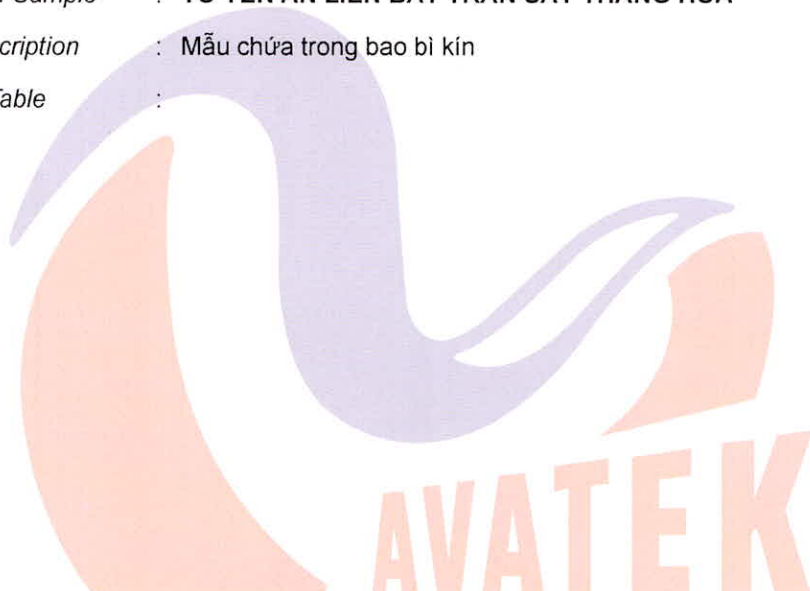


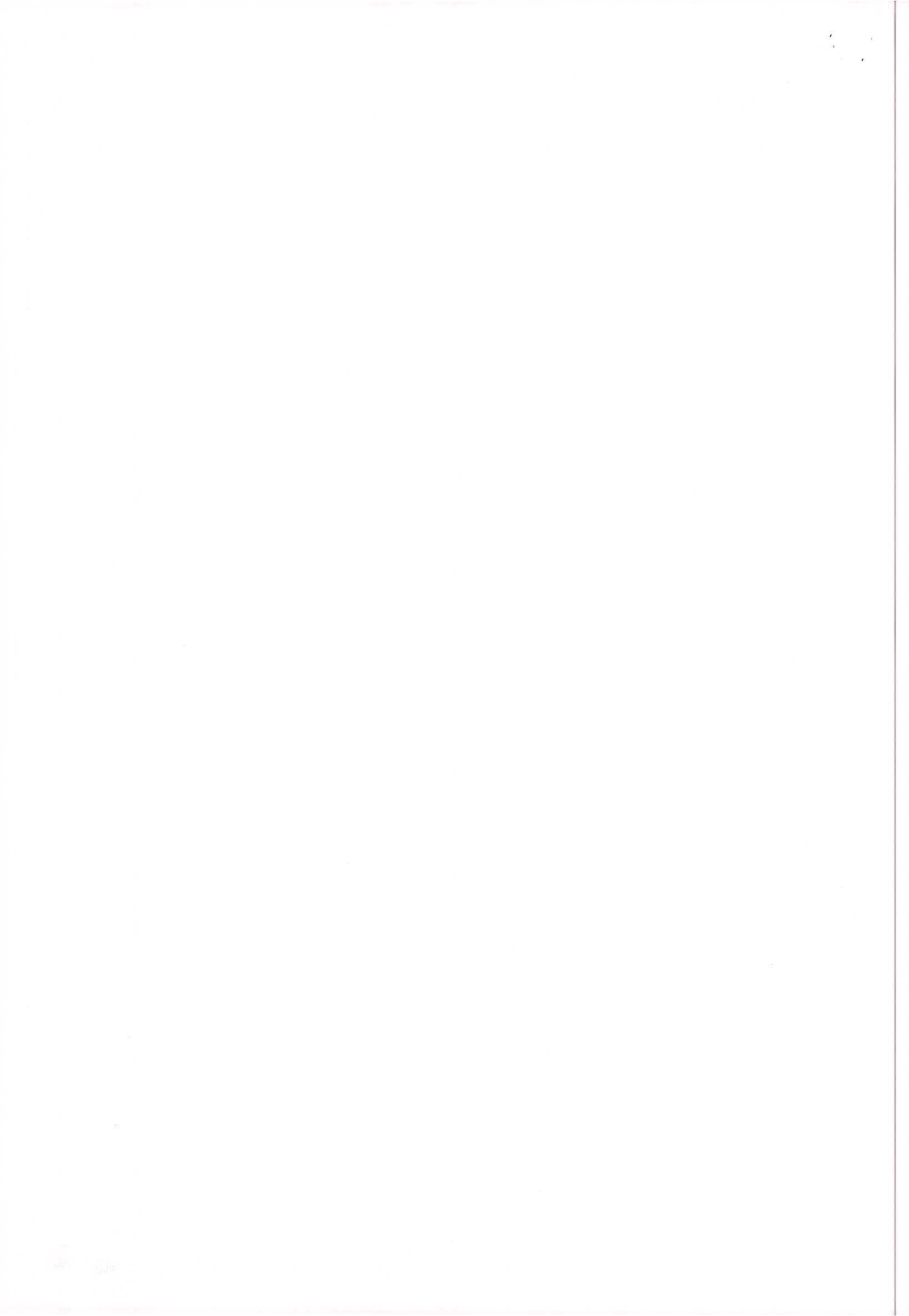
Nguyễn Văn Bình



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THIÊN PHÚC
Địa chỉ/ Client's Address : 06A Ngô Đức Kế, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 08/06/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 08/06/2024 - 13/06/2024
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 13/06/2024
Thông tin mẫu/ Name of Sample : TỔ YẾN ẼN LIỀN BÁT TRẦN SẮT THĂNG HOA
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

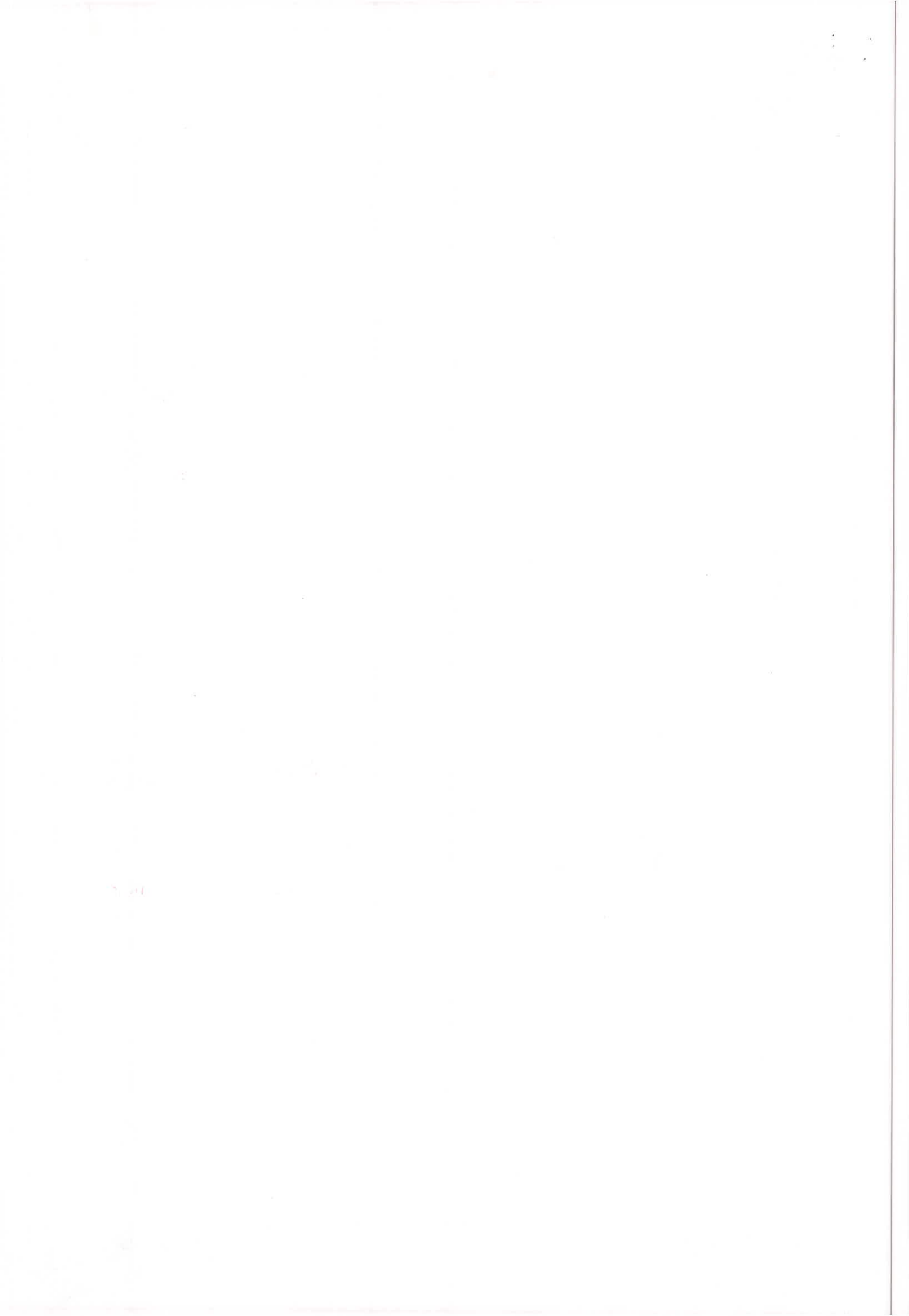




KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
4	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 980.31
5	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 975.55
6	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
7	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	4.0×10^1	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
8	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
9	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
10	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
11	Aflatoxin tổng số (B1. B2. G1. G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1. B2. G1. G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
12	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
13	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
14	Vibrio parahaemolyticus (*) / Vibrio parahaemolyticus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	NMKL 156:1997

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- ^(CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ ^(CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- ^(TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ ^(TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

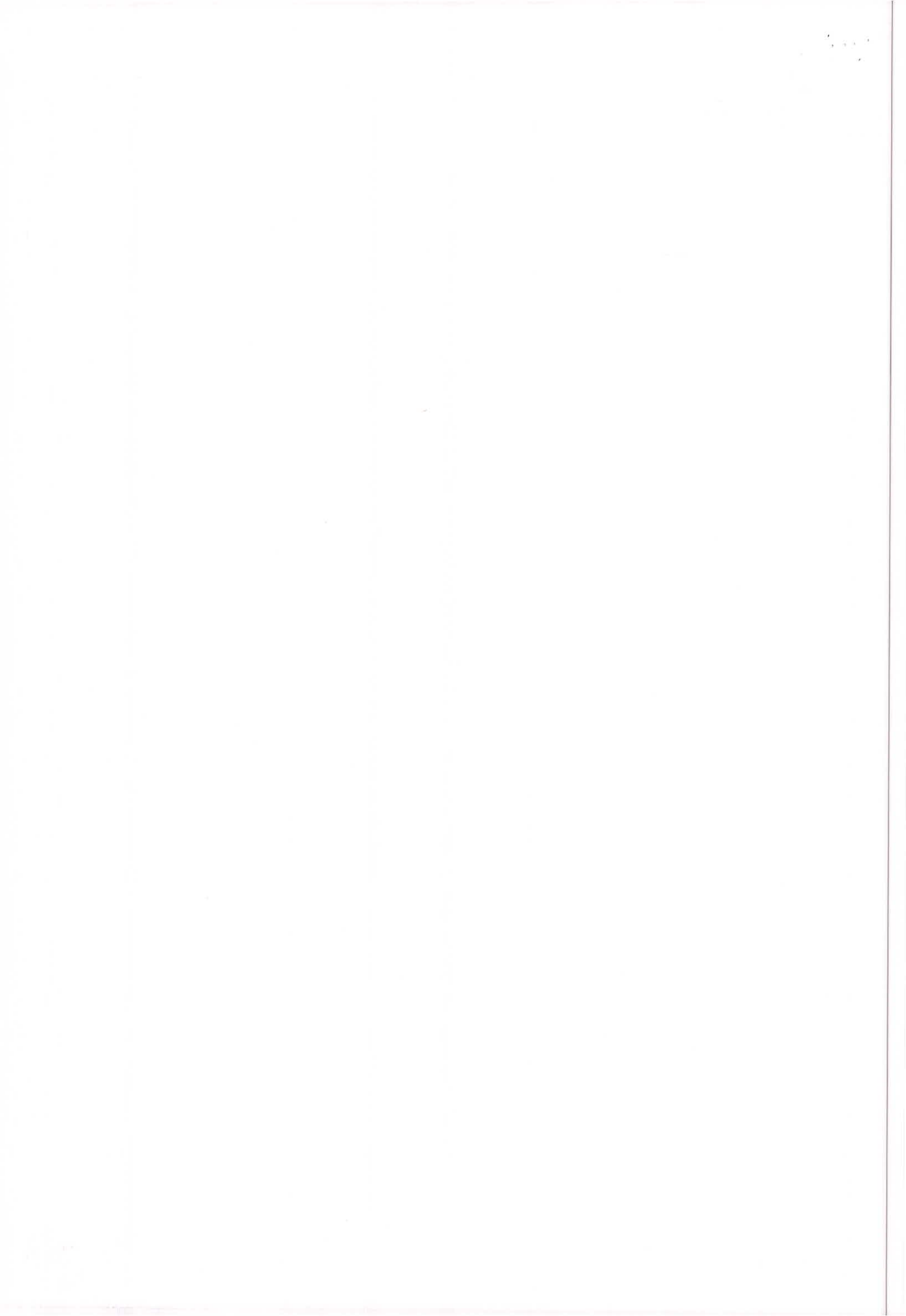
BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH







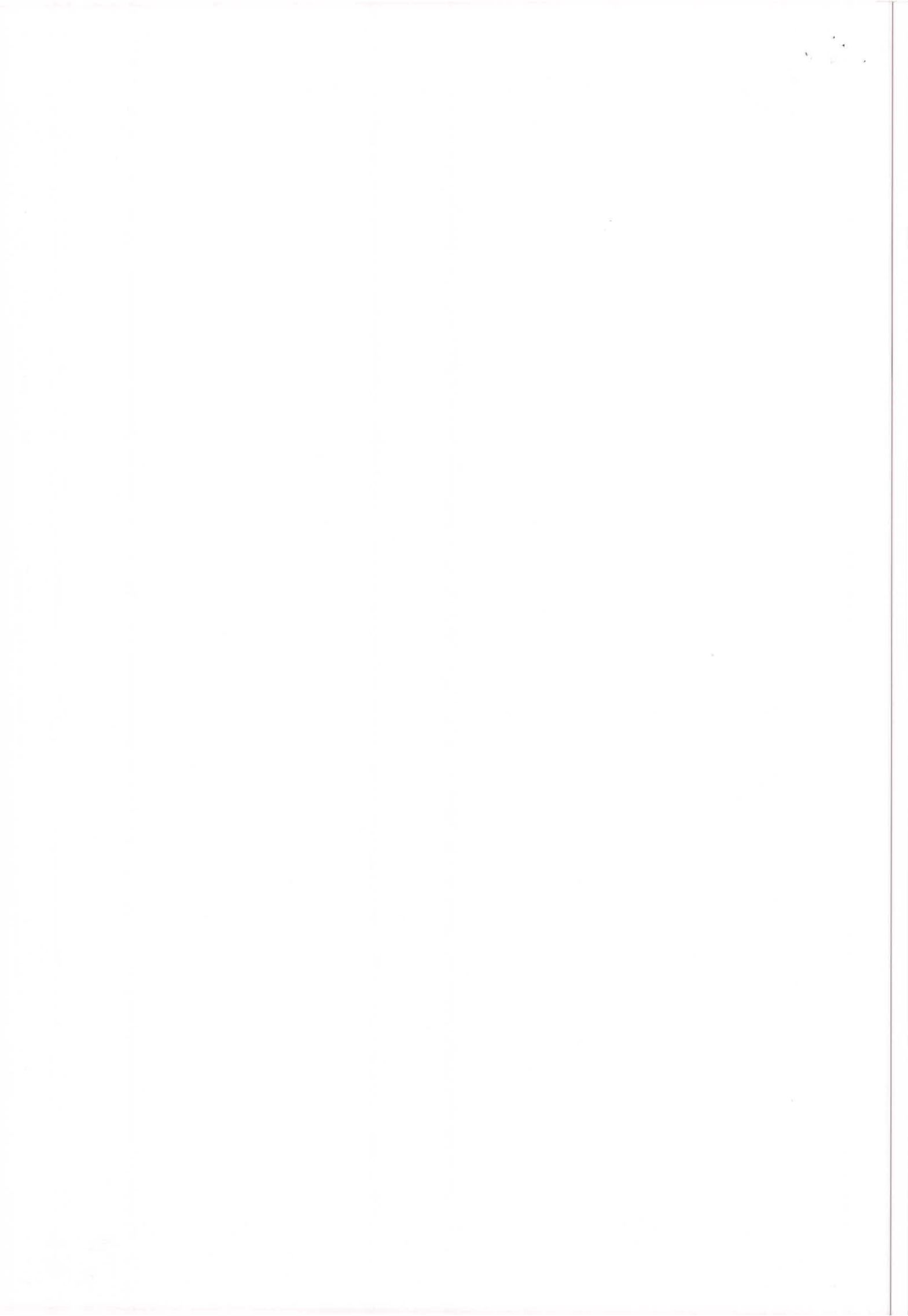
Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: MQD7240600274-4

Tên khách hàng/ *Client's Name* : CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THIÊN PHÚC
Địa chỉ/ *Client's Address* : 06A Ngô Đức Kế, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received* : 08/06/2024
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 08/06/2024 - 13/06/2024
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue* : 13/06/2024
Thông tin mẫu/ *Name of Sample* : TỔ YẾN ĂN LIỀN BÁT TRÂN SẮC THĂNG HOA
Mô tả mẫu/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table* :







KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Đạm (*) / Protein (*)	31.0	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
2	Béo tổng (*) / Total fat (*)	25.6	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
3	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) (*) / Carbohydrate (Not included fiber) (*)	6.50	g/100g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
4	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	3282	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/014 (Ref. AOAC 985.35)
5	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber) (*)	380	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
6	Xơ tổng số (*) / Total dietary fiber (*)	16.0	g/100g	TCVN 9050:2012

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**).(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng <i>Nutritional ingredients</i>	Trên 100 g <i>In 100 g</i>		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu <i>% Nutrient reference values</i>
Năng lượng (Energy)	380	kcal	19%
Chất đạm (Protein)	31.0	g	62%
Carbohydrate	6.50	g	2%
Chất béo (Fat)	25.6	g	46%
Natri (Sodium)	3282	mg	164%

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).
 Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị;
 Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg
 % Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet).
 Nutrient reference values: Energy: 2000 kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Fat:
 56 g including saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

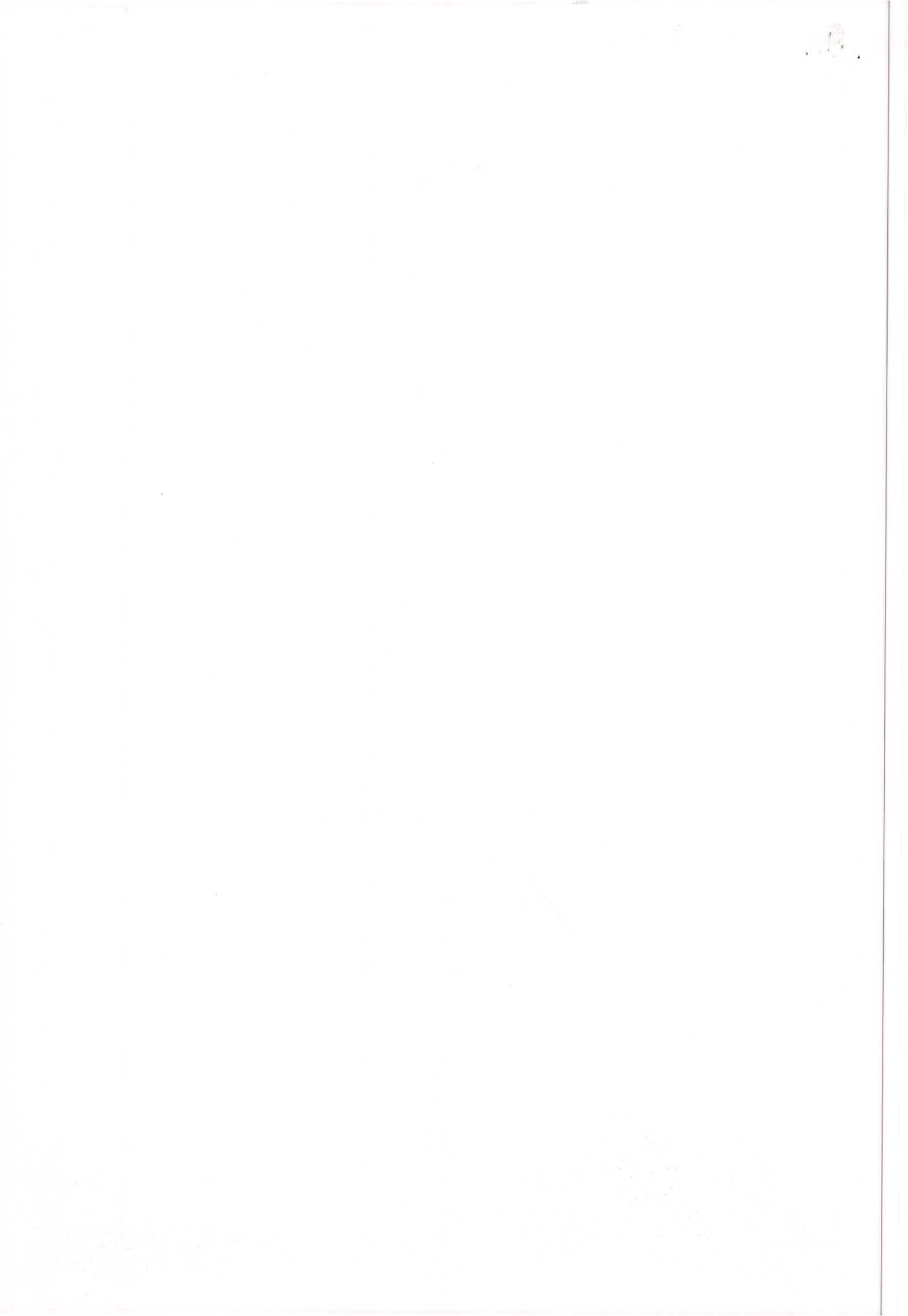
BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH







GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HA 531-23

CÔNG TY TNHH MTV YẾN SÀO BÌNH MINH

Trụ sở: 54A/9 đường Vĩnh Phú 40, khu phố Hoà Long, phường Vĩnh Phú,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Xưởng sản xuất: Thôn Phước Sơn, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang,
tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

đã được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 22000:2018 Chứng Thực Bản Sao
Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm **Đúng Với Bản Chính**

cho lĩnh vực:

Số Chứng Thực.....Quyển Số.....SCT/BS

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Chế biến các sản phẩm từ tò yến

Giấy chứng nhận này có giá trị từ:
03 / 04 / 2023 đến 02 / 04 / 2026

HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
CHỦ TỊCH

GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn



Phan Hữu Đức
KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Ngô Tất Thắng



VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Văn phòng: Số 52/46, đường Liên Mạc, P. Liên Mạc, Q. Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 2266 1111 / 0983851111, Website: issq.org.vn, Email: tcvn@issq.org.vn

Handwritten text, possibly a signature or address, located in the lower-left quadrant of the page. The text is faint and difficult to decipher.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v sản xuất, cung cấp nước yến hũ)

Số: 77HG.BM/YS2024

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ chức năng, nhu cầu và khả năng của hai bên.

Bình Dương, ngày 01 tháng 04 năm 2024, chúng tôi gồm có:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THIÊN PHÚC

Địa chỉ: 06A Ngô Đức Kế, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0977393789

Mã số doanh nghiệp: 4201658999 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 8/11/2018

- Do Ông: **Lê Ngọc Thiện**- Chức vụ: Tổng giám đốc- làm đại diện

- Giấy chứng thực cá nhân số: 225024909 cấp ngày 05/07/2017, nơi cấp: C.A tỉnh Khánh Hòa (số CCCD: 0560710007690 do Cục trưởng cục cảnh sát QLHCVTTXH cấp ngày 18/10/2022)

- Nơi đăng ký thường trú: 6A Ngô Đức Kế, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

- Tài khoản số:..... Ngân hàng.....

BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV YẾN SÀO BÌNH MINH

- Địa chỉ Công ty: 54A/9 đường Vĩnh Phú 40, khu phố Hoà Long, phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam





- Điện thoại: 0847.306.308 _ 0941390439 Fax:
- Do Ông: **Nguyễn Văn Bình** – Chức vụ: Giám đốc ,làm đại diện
- Giấy CNĐKKD số: 3702788098 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Dương cấp
- Mã số thuế doanh nghiệp: 3702788098
- Số Tài khoản ngân hàng:

a) Chủ tài khoản: **CÔNG TY TNHH MTV YẾN SÀO BÌNH MINH**

Số tài khoản: 0411001099421 – Ngân hàng Vietcombank nam Bình Dương

b) Chủ tài khoản: **Nguyễn Văn Bình**

Số tài khoản: 0281000530827 – Ngân hàng Vietcombank Bình Dương

Số tài khoản: 0500097908661 – Ngân hàng Sacombank Bình Dương

Sau khi bàn bạc và thoả thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng đặt hàng cung cấp

với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: SẢN XUẤT CUNG CẤP

1.1 Tên sản phẩm hàng hoá cung cấp

Stt	Sản Phẩm
1	TÔ YẾN ĂN LIỀN NHÂN SÂM SẮC THĂNG HOA
2	TÔ YẾN ĂN LIỀN BÁT TRÂN SẮC THĂNG HOA

1.2 Quy cách:

- Nhãn hiệu và bao bì theo thiết kế của bên A. Bên A chịu trách nhiệm thiết kế và đăng ký với cơ quan thẩm quyền khi bán ra sản phẩm.

- Mẫu bát (theo mẫu mà hai bên đã thoả thuận)

1.3 Phẩm chất:

- Chất lượng sản xuất đã được kiểm nghiệm tại các cơ quan có chức năng làm xét nghiệm(có đính kèm theo hợp đồng) và đã được cục an toàn thực phẩm xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn vệ sinh thực phẩm mà bên A đưa ra.

- Đảm bảo chất lượng, quy định đóng chai và tiêu chuẩn đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm sử dụng cho người tiêu dùng.



0010

0011

0012

0013

0014

- **Đảm bảo hàm lượng yến tươi nguyên chất, không sử dụng chất bảo quản, không sử dụng rau câu hoặc thạch, mủ trôm hay nấm tuyết hay bất kì chất nào khác thay thế hàm lượng yến cam kết, không sử dụng hoá chất làm trắng trong mỗi hũ, không sử dụng đường tạo ngọt.**

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ, ĐIỀU CHỈNH GIÁ, SỐ LƯỢNG, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN VÀ GIAO HÀNG.

2.1 Đơn giá:

-(Tra cứu phụ lục hợp đồng), các bảng giá đưa ra trong phụ lục hợp đồng cũng như trong hợp đồng này đều là giá chưa có thuế.

- Bên B chịu trách nhiệm cung cấp nước yến hũ chung sẵn theo mục 1.1 điều 1 (nêu trên) cho bên A và đã được kiểm hàng tại kho của bên B.

- Bên A cung cấp tổ yến nguyên chất, hay mua lại của bên B theo từng đơn hàng, thoải thuận bằng mail hay xác nhận qua điện thoại.

- Trong trường hợp tăng hoặc giảm giá, hai bên thông báo cho nhau trước 15 ngày bằng văn bản để cùng thương thảo thống nhất thực hiện.

2.2. Điều chỉnh giá: Hai bên tinh thần cởi mở và hợp tác trên tinh thần có lợi cho nhau, vì thế nên Bên B đồng ý đưa ra giá trên cho bên A là giá xuất xưởng, không có biên độ về biến động giá cho các nguyên vật liệu chính. Do vậy tại thời điểm ký hợp đồng cũng là thời điểm chốt giá thị trường để có căn cứ về việc điều chỉnh giá.

- Hũ, nắp

- Nguyên vật liệu

- Xăng, dầu:

Trong suốt thời gian ký hợp đồng nếu giá nguyên vật liệu chính lên 10% thì bên B được quyền điều chỉnh giá và phải thông báo cho bên A trước 15 ngày.

2.3 Số lượng dự kiến tiêu thụ bình quân.

- Loại bát 140ml: 1.000 bát trong 1 tháng

Bên B sẽ cung cấp số lượng sản phẩm đúng theo đơn đặt hàng của bên A. Bên A sẽ gửi đơn đặt hàng bằng FAX, hoặc qua Zalo cho bên B trước 05 ngày. Khi có thay đổi, Bên A sẽ thông báo cho bên B biết trước ít nhất 03 ngày.

1957 3. 2. 3 (6)

2.4 Phương thức thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán đủ 100% giá trị đơn hàng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bên B ngay sau khi hai bên xác nhận đơn hàng.

Bên B giao hàng cho bên A và ngay sau khi bên A xác nhận đơn hàng đã đúng với điều kiện và số lượng, thì bên B sẽ xuất hoá đơn VAT gửi cho bên A.

2.5 Phương thức giao hàng:

Bên B tiến hành giao hàng theo đơn đặt hàng của bên A tại kho của bên A (khu vực TP.HCM, Bình Dương hoặc địa chỉ nhà xe do 2 bên thảo thuận. Mọi chi phí liên quan đến vận chuyển, giao nhận hàng hoá do 2 bên cùng chi trả, phần bốc vác thì tại kho bên nào bên đó chịu. Bên B phải đảm bảo giao đúng hàng hoá nêu tại điều 1 của hợp đồng này, đúng thời gian bên A yêu cầu và đủ số lượng theo đơn đặt hàng.

ĐIỀU 3: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA CÁC BÊN

BÊN A:

3.1 Chịu trách nhiệm pháp lý về mặt nội dung, hình ảnh của nhãn hiệu mà bên A đã cung cấp cho bên B như đã nêu tại mục 1.2 điều 1 của hợp đồng này.

3.2 Gửi đơn đặt hàng đúng như đã thảo thuận tại mục 2.3 điều 2 của hợp đồng này.

3.3 Thanh toán tiền như đã nêu trên mục 2.3 điều 2 hợp đồng này.

3.4 Đền bù thiệt hại cho bên B trong trường hợp vi phạm hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

3.5 Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo thảo thuận nêu trong hợp đồng này.

3.6 Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

BÊN B:

3.7 Sản xuất nước yến theo đúng như thoả thuận tại điều 1 của hợp đồng này.

3.8 Luôn đảm bảo đúng chất lượng hàng hoá theo tiêu chuẩn đã được công bố, đủ số lượng theo đơn đặt hàng và giao hàng đúng thời gian.

3.9 Đền bù thiệt hại cho bên A trong trường hợp sản phẩm hư hỏng mà do lỗi của bên B và vi phạm hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

3.10 Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo các thảo thuận nêu trong hợp đồng này.

3.11 Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4: THỜI GIAN VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN QUY ĐỊNH TRONG THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG



Handwritten red markings on the left margin, possibly a signature or initials.

4.1 Thời gian của hợp đồng là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng này.

4.2 Nếu bên B sản xuất sản phẩm không đúng với các thoả thuận trong hợp đồng này hoặc sai với quy định của Bộ Y Tế và sản xuất nước uống, thì bên A có quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng trước thời hạn. Mọi tổn thất của bên A, bên B phải chịu trách nhiệm đền bù.

4.3 Nếu bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các thoả thuận trong trường hợp này, thì bên A phải chi trả toàn bộ thiệt hại phát sinh từ việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hợp đồng này cho bên B.

4.4 Nếu bên A ngưng đặt hàng thì phải báo cho bên B trước 15 ngày. Trong thời gian đó, bên A phải thanh toán hết các khoản chi phí khác (nếu có).

4.5 Trong trường hợp khách hàng của bên A có bất kỳ phản ánh nào về chất lượng nước yếm hư hỏng mà bao bì đóng gói còn đủ điều kiện bảo vệ thì bên A có quyền yêu cầu bên B cử đại diện cùng lấy mẫu để chứng minh chất lượng nước theo quy định và tạm ngưng đặt hàng vô điều kiện để xem xét. Nếu phản ảnh gây thiệt hại đến thương hiệu và việc kinh doanh của bên A, bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải bồi thường bất cứ khoản chi phí nào cho bên B

ĐIỀU 5: KẾT THÚC HỢP ĐỒNG

Hợp tác này có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc kết thúc trong các trường hợp sau:

5.1 Do hai bên thoả thuận bằng văn bản

5.2 Do một trong hai bên bị cơ quan thẩm quyền tuyên bố phá sản, giải thể, giải tán hay ngưng hoạt động theo luật định hoặc không thể tiếp tục hoạt động do thua lỗ nghiêm trọng (có báo cáo tài chính kèm theo)

5.3 Do sự kiện bất khả kháng (thiên tai, lũ lụt, chiến tranh, máy ,móc hư hỏng...) hay do theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc trưng thu, trưng dụng sử dụng vào một mục đích khác theo quy định của nhà nước làm cho các hoạt động kinh doanh không thể tiếp tục thực hiện mặc dù các bên đã áp dụng những biện pháp có thể để khắc phục nhưng không có hiệu quả.

5.4 Do một trong hai bên vi phạm nghĩa vụ quy định trong hợp đồng hợp tác dẫn tới thiệt hại kinh tế nghiêm trọng của một bên.

ĐIỀU 6: CAM KẾT CHUNG





Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn vướng mắc, hai bên cùng bàn bạc, thỏa thuận trên tinh thần cùng có lợi và có phụ lục hợp đồng đính kèm. Nếu có phát sinh vướng mắc không thương lượng được thì sẽ đưa ra Toà án kinh tế cấp có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp theo pháp luật Việt Nam quy định.

Hợp đồng này được lập 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hai bên đã đọc kỹ và hiểu rõ toàn bộ nội dung hợp đồng và đồng ý ký tên.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Ngọc Thiện

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Văn Bình



Order Van 2014

TỈNH GIẤM ĐÓNG



10/10/1964